

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Múth Sô Ny; bà Lương Thị Hoàng Kim.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Tĩnh Biên.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tĩnh Biên, tỉnh An Giang tham gia
phiên tòa:* ông Đặng Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tĩnh Biên xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số MERGEFIELD
Số_thụ_ly_162HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 việc “tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
MERGEFIELD số_QDXX 169HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà N2 Sóc Khê sinh năm 1988 nơi cư trú: Tổ F, ấp V, xã A,
thị xã T, tỉnh An Giang

- *Bị đơn:* ông Chau Lác K Nasinh năm 1986 nơi cư trú: Tổ A, ấp Đ, xã V,
thị xã T, tỉnh An Giang vắng mặt.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Neàng Sóc K1 xin xét xử vắng mặt và bị đơn
ông Chau Lác Kây N vắng mặt không lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án,
nguyên đơn bà Neàng Sóc K2 bày: Do tự tìm hiểu và yêu thương nhau nên bà
Neàng Sóc K3 và ông Chau Lác Kây N chung sống như vợ chồng với nhau kể từ
năm 2008, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn do không am hiểu
pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới thì bà Neàng Sóc K3 và ông Chau Lác K Na
chung sống tại tổ F, ấp V, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh
phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Chau L Kây Na không
lo làm ăn và vợ chồng đã ly thân từ lúc đó cho đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng

không còn nên bà Neàng Sóc K3 yêu cầu được ly hôn với ông Chau Lác Kây Na

Bà Neàng Sóc K4 Chau Lác Kây Na01 (một) con chung tên Neàng Srây N1, sinh ngày 22/6/2007. Khi ly hôn, bà Neàng Sóc K3 yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung; không yêu cầu ông Chau L Kây Na cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- *Bị đơn ông Chau Lác K Na* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

* *Cháu N2 Srây Niên có ý kiến*: có nguyện vọng được sống chung với bà N2 Sóc Khên nếu cha, mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa,

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà K3 và ông N là vợ chồng; chấp nhận cho bà K3 tiếp tục nuôi dưỡng con chung; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Neàng Sóc K5 kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Chau L Kây Na bị đơn có nơi cư trú tại Tổ A, ấp Đ, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt BLTTDS).

- Về sự vắng mặt của đương sự: bà Neàng S có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Chau Lác Kây N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà N2 Sóc Khên bị đơn ông Chau Lác K Nasống chung như vợ chồng từ năm 2008 đến nay chưa đăng ký kết hôn, nguyên nhân dẫn đến ly hôn do phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống từ khoảng năm 2014.

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên*

bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*”

Căn cứ quy định pháp luật như viện dẫn nêu trên, thấy rằng nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 đến nay, không đăng ký kết hôn nên không công nhận bà K3 và ông N là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: bà N2 Sóc Khêông Chau Lác Kây Nacó 01 (một) con chung tên Neàng Srây N1, sinh ngày 22/6/2007. Cháu Neàng Srây N1 đang sinh sống cùng với bà N2 Sóc Khêncó nguyện vọng sống với mẹ. Do đó giao con chung cho bà N2 Sóc Khênnuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng và quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà N2 Sóc Khêông yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà N2 Sóc Khêông yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định; bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà N2 Sóc Khêông MERGEFIELD bị_đơn Chau Lác Kây Nalà vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà N2 Sóc Khêntiếp tiếp nuôi dưỡng con chung tên Neàng Srây N1, sinh ngày 22/6/2007, ông Chau L Kây Nakhông phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Neàng Sóc K6 các thành viên gia đình không được cản trở ông Chau L Kây Naquyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: bà N2 Sóc Khên phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010943 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên; bà Neàng Sóc K7 đủ án phí; ông M bị đơn Chau Lác Kây Nakhông phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tx. Tịnh Biên (1);
- Chi cục THADS tx. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ